

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 7 năm 2026

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân gia đình thụ lý 1553/2026/HNST ngày 24/6/2026 về việc “Yêu cầu công nhân thuận tình ly hôn”, giữa:

Người yêu cầu:

1. Bà **Lê Thị Thùy T**, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Số B Đường số D, phường L, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Ông **Đỗ Nhạc P**, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Số C T, phường A, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Yêu cầu thuận tình ly hôn là việc dân sự và người yêu cầu hiện cư trú tại phường A, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ khoản 2 Điều 29; điểm b khoản 2 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 năm 2015 - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ Luật tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án, yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của ông Đỗ Nhạc P và bà Lê Thị Thùy T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về yêu cầu của đương sự: Ông Đỗ Nhạc P và bà Lê Thị Thùy T yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn vì trong quá trình chung sống cả hai phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Trong quá trình giải quyết, Tòa án đã tiến hành hòa giải để ông P và bà T đoàn tụ nhưng

không thành. Xét thấy: Ông Đỗ Nhạc P và bà Lê Thị Thùy T tự nguyện kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 85/2026 do Ủy ban nhân dân phường L, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 29/4/2026 nên quan hệ hôn nhân giữa ông Đỗ Nhạc P và bà Lê Thị Thùy T là hoàn toàn tự nguyện và hợp pháp.

Trong thời gian chung sống, ông P và bà T có nhiều khác biệt về quan điểm, lối sống, hai bên không thể chia sẻ và nhận thấy không còn tình cảm với nhau, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Ông Đỗ Nhạc P và bà Lê Thị Thùy T đã cố gắng hàn gắn để duy trì hạnh phúc gia đình nhưng không có kết quả nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn để ổn định cuộc sống.

Xét mâu thuẫn giữa ông P và bà T là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của ông Đỗ Nhạc P và bà Lê Thị Thùy T là hoàn toàn phù hợp với Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên có cơ sở chấp nhận.

[3] Về con chung: Ông Đỗ Nhạc P và bà Lê Thị Thùy T xác định không có con chung, không yêu cầu tòa án giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về nợ chung: Ông Đỗ Nhạc P và bà Lê Thị Thùy T xác nhận không có.

[6] Về lệ phí: Lệ phí việc dân sự sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, ông P và bà T chịu.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Ông Đỗ Nhạc P, sinh năm 1992 và bà Lê Thị Thùy T, sinh năm 1992 thuận tình ly hôn.

(Giấy chứng nhận kết hôn số 85/2026 do Ủy ban nhân dân phường L, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 29/4/2026 tại chấm dứt hiệu lực kể từ ngày quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật).

- Về con chung: Ông Đỗ Nhạc P và bà Lê Thị Thùy T xác định không có con chung, không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

2. Về lệ phí:

Lệ phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng ông Đỗ Nhạc P và bà Lê Thị Thùy T đã đóng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí mà ông Đỗ Nhạc P và bà Lê Thị Thùy T đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0037876 do Thi hành án Thành phố Hồ Chí Minh lập ngày 15/6/2026. Ông P và bà T đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 36 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật thi hành án dân sự./

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND Khu vực 2 – TP. Hồ Chí Minh;
- UBND nơi cấp giấy chứng nhận
Đăng ký kết hôn;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Phạm Thị Thanh Nga